



BÁO CÁO

Sơ kết thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và các văn bản quy định chi tiết

Thực hiện Quyết định số 460/QĐ-BTP ngày 22/02/2019 của Bộ Tư pháp về ban hành Kế hoạch sơ kết thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và các văn bản quy định chi tiết. Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Kiên Giang báo cáo kết quả thực hiện cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Sự tác động của Luật Hôn nhân và Gia đình, các văn bản quy định chi tiết đến các quan hệ hôn nhân và gia đình nói riêng và sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung; tác động của phát triển kinh tế - xã hội đối với các quan hệ hôn nhân và gia đình và các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, các văn bản quy định chi tiết tại địa phương

Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 7, thông qua ngày 19/6/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015. Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định trách nhiệm của Nhà nước và xã hội đối với hôn nhân và gia đình cho thấy Nhà nước có chính sách, biện pháp bảo hộ hôn nhân và gia đình, tạo điều kiện để nam, nữ xác lập hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng; xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc và thực hiện đầy đủ chức năng của mình; tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hôn nhân và gia đình; vận động nhân dân xóa bỏ phong tục, tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình, phát huy truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp thể hiện bản sắc của mỗi dân tộc. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hôn nhân và gia đình; các Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện quản lý nhà nước về hôn nhân và gia đình theo sự phân công của Chính phủ. UBND các cấp và các cơ quan khác thực hiện quản lý nhà nước về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm giáo dục, vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và mọi công dân xây dựng gia đình văn hóa; kịp thời hòa giải mâu thuẫn trong gia đình, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên gia đình. Nhà trường phối hợp với gia đình trong việc giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hôn nhân và gia đình cho thế hệ trẻ.

Nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình Việt Nam theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình là hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng. Hôn nhân giữa công dân Việt Nam thuộc các dân tộc, tôn



giáo, giữa người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, giữa người có tín ngưỡng với người không có tín ngưỡng, giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không phân biệt đối xử giữa các con. Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, hỗ trợ trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật thực hiện các quyền về hôn nhân và gia đình; giúp đỡ các bà mẹ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ; thực hiện kế hoạch hóa gia đình. Kế thừa, phát huy truyền thống văn hóa, đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam về hôn nhân và gia đình.

Chế độ hôn nhân và gia đình là toàn bộ những quy định của pháp luật về kết hôn, ly hôn; quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và con, giữa các thành viên khác trong gia đình; cấp dưỡng; xác định cha, mẹ, con; quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài và những vấn đề khác liên quan đến hôn nhân và gia đình. Về cơ bản, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đã được bổ sung nguyên tắc “xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc” (Khoản 3, Điều 2), “kế thừa, phát huy truyền thống văn hóa, đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam về hôn nhân và gia đình” (Khoản 5, Điều 2). Vấn đề bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đã được bổ sung các hành vi bị cấm như: “Thực hiện sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản vì mục đích thương mại, mang thai hộ vì mục đích thương mại, lựa chọn giới tính thai nhi, sinh sản vô tính” (Điểm g, Khoản 2, Điều 5); “Lợi dụng việc thực hiện quyền về hôn nhân và gia đình để mua bán người, bóc lột sức lao động, xâm hại tình dục hoặc có hành vi khác nhằm mục đích trục lợi” (Điểm i Khoản 2 Điều 5). Đồng thời, Điều 5 cũng bổ sung quy định: “Danh dự, nhân phẩm, uy tín, bí mật đời tư và các quyền riêng tư khác của các bên được tôn trọng, bảo vệ trong quá trình giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình” (Khoản 4, Điều 5).

Về nguyên tắc việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định. Đây là nguyên tắc cơ bản xuyên suốt của pháp luật về hôn nhân và gia đình nhằm xóa bỏ hoàn toàn chế độ hôn nhân cưỡng ép, phụ thuộc vào cha mẹ của chế độ hôn nhân gia đình phong kiến và xây dựng chế độ hôn nhân mới. Tự nguyện kết hôn là việc hai bên nam, nữ thể hiện sự đồng ý trở thành vợ, chồng của nhau, mỗi bên không bị tác động ý chí của bên kia hay của bất kỳ người nào khiến cho họ phải kết hôn mà không muốn, kết hôn là quyền, không phải là nghĩa vụ. Vì vậy, không thể có hôn nhân ngoài ý muốn của người kết hôn. Đây là điều kiện rất quan trọng được pháp luật nhiều nước quan tâm, phát triển. Cuộc sống gia đình chỉ thực sự hạnh phúc khi được xây dựng trên cơ sở sự hòa hợp và tự nguyện của hai bên nam, nữ.

Bên cạnh đó, Luật Hôn nhân và Gia đình quy định quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài là quan hệ hôn nhân và gia đình mà ít nhất một bên tham gia là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài; quan hệ hôn nhân và gia đình giữa các bên tham gia là công dân Việt Nam nhưng căn cứ để xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ đó theo pháp luật nước ngoài; phát sinh tại nước ngoài hoặc tài sản liên quan đến quan hệ đó ở nước ngoài.

Nhà nước bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình, không phân biệt quan hệ hôn nhân và gia đình trong nước hay hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài. Chỉ cần quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì sẽ pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Ngoài ra, quan hệ hôn nhân và gia đình không chỉ được quy định trong Luật này mà còn quy định và áp dụng theo các quy định của Bộ luật Dân sự và luật khác có liên quan trong trường hợp Luật Hôn nhân và Gia đình không quy định.

Mặt khác, Luật Hôn nhân và Gia đình còn quy định, trong trường hợp pháp luật không quy định và các bên không có thỏa thuận thì tập quán tốt đẹp thể hiện bản sắc của mỗi dân tộc, không trái với những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình (hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng...) và không vi phạm điều cấm của Luật này (kết hôn giả tạo, ly hôn giả tạo; tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn ...) thì sẽ được áp dụng.

Như vậy, quan hệ hôn nhân và gia đình theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 được Nhà nước tôn trọng và pháp luật bảo vệ không chỉ là những quy định của Luật này mà còn áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự và các luật khác có liên quan kể cả việc áp dụng tập quán tốt đẹp về hôn nhân và gia đình. Mọi hành vi vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình được xử lý nghiêm minh, đúng quy định pháp luật. Danh dự, nhân phẩm, uy tín, bí mật đời tư và các quyền riêng tư khác của các bên được tôn trọng, bảo vệ trong quá trình giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Ngày 31/12/2014, Chính phủ ban hành Nghị định số 126/2014/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2015, nghị định quy định chi tiết việc áp dụng tập quán về hôn nhân và gia đình, chế độ tài sản của vợ chồng, giải quyết các việc về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài và một số biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình nhằm triển khai thực hiện tốt hơn các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình để Luật thực sự đi vào cuộc sống; quan hệ hôn nhân và gia đình tuân thủ quy định pháp luật sẽ được bảo vệ; các phong tục, tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình sẽ dần được xóa bỏ; truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp thể hiện bản sắc của mỗi dân tộc sẽ được thừa nhận, áp dụng và phát huy.

Luật Hôn nhân và Gia đình được ban hành đã góp phần xây dựng, hoàn thiện và bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình tiến bộ, xây dựng chuẩn mực pháp lý cho cách ứng xử, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho các thành viên trong gia đình, kế thừa và phát huy truyền thống đạo đức tốt đẹp nhằm xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Các văn bản quy định chi tiết đã đóng vai trò tích cực, bảo đảm tính cụ thể và khả thi các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, bảo đảm sự thống nhất trong áp dụng pháp luật, quyền, nghĩa vụ của người dân về hôn nhân và gia đình được bảo vệ tốt hơn, góp phần tạo điều kiện cho kinh tế - xã hội ngày càng phát triển.

2. Công tác chỉ đạo, triển khai, thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình và các văn bản quy định chi tiết

Thực hiện Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Quyết định số 3176/QĐ-BTP ngày 28/11/2014 của Bộ Tư pháp về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nhằm triển khai thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình kịp thời, bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong nhận thức và áp dụng pháp luật. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 20/01/2015 về triển khai thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã tổ chức tuyên truyền, lồng ghép tuyên truyền Luật Hôn nhân và Gia đình bằng nhiều hình thức. Các sở, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã căn cứ vào tình hình cụ thể của cơ quan, đơn vị và địa phương đã ban hành các văn bản thực hiện và chỉ đạo tổ chức thực hiện phù hợp với cơ quan, đơn vị và địa phương mình quản lý. Nhìn chung, công tác chỉ đạo, triển khai, thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình được triển khai đồng bộ, kịp thời và đầy đủ các nội dung theo quy định.

Đồng thời, ngày 31/12/2014 Chính phủ ban hành Nghị định số 126/2014/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình và Thông tư số 02a/2015/TT-BTP hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài. UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp tham mưu thực hiện triển khai các văn bản này đến UBND cấp huyện nhằm quán triệt và chỉ đạo thực hiện thống nhất, đồng bộ và có hiệu quả tại địa phương. Từ đó, công tác triển khai thực hiện Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và các văn bản quy định chi tiết được thực hiện tốt, đạt kết quả.

Thực hiện Luật Hộ tịch và các văn bản pháp luật có liên quan UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 04/6/2015 về triển khai thi hành Luật Hộ tịch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang triển khai đến sở, ngành và UBND cấp huyện trong đó chú trọng các nội dung như: Tham gia góp ý, xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết các nội dung được giao trong Luật, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến Luật Hộ tịch, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm thi hành hiệu quả Luật Hộ tịch, tham gia xây dựng Đề án Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và tổ chức triển khai Dự án khả thi cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, rà soát, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ hộ tịch, kiện toàn đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch ở cấp huyện, cấp xã đáp ứng các tiêu chuẩn bảo đảm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong Luật Hộ tịch.

Mặt khác, thực hiện công tác quản lý nhà nước về gia đình, UBND tỉnh ban hành các văn bản về lĩnh vực gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình, trong đó lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và các văn bản có liên quan như: Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 29/02/2016 về thực hiện Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 29/02/2016 về thực hiện Đề án kiện toàn, đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ cán

bộ thực hiện công tác gia đình các cấp đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh, Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 02/02/2017 về triển khai thực hiện Chương trình giáo dục đời sống gia đình đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh, Công văn thực hiện Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 29/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình và Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 15/6/2018 về việc tổng kết 10 năm thi hành Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (2008 - 2018) trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Việc triển khai thực hiện các quy định của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Nghị định số 02/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ quy định về công tác gia đình, Nghị quyết số 81/NQ-CP ngày 04/12/2012 của Chính phủ về “Xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, Quyết định số 629/QĐ-TTg ngày 29/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược phát triển Gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030”, Quyết định số 215/QĐ-TTg ngày 06/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020”..., được quan tâm, chỉ đạo thực hiện. Từ đó, công tác quản lý nhà nước về gia đình tiếp tục đi vào nề nếp; kịp thời chỉ đạo, tổ chức tốt các hoạt động truyền thông bằng nhiều hình thức, nội dung phong phú nhằm tiếp tục khẳng định và tôn vinh những giá trị nhân văn sâu sắc của gia đình Việt Nam. Các mô hình phòng, chống bạo lực gia đình được quan tâm nhân rộng và từng bước hoạt động có hiệu quả, góp phần giảm thiểu tình trạng bạo lực gia đình ở địa phương.

3. Những ưu điểm, bất cập, hạn chế trong quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, các văn bản quy định chi tiết về quy định chung; kết hôn; quan hệ giữa vợ và chồng; chấm dứt hôn nhân; quan hệ giữa cha mẹ và con; quan hệ giữa các thành viên khác của gia đình; cấp dưỡng; quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài; nguyên nhân của những hạn chế, bất cập

a/. Về những ưu điểm:

- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và các văn bản quy định chi tiết đã quy định đầy đủ, rõ ràng những quy định chung, kết hôn, quan hệ giữa vợ và chồng, chấm dứt hôn nhân, quan hệ giữa cha mẹ và con, quan hệ giữa các thành viên khác của gia đình, cấp dưỡng, quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài; ngoài ra còn quy định rõ về điều kiện kết hôn, điều kiện hủy kết hôn trái pháp luật, chế độ tài sản của vợ chồng.

- Việc áp dụng tập quán về hôn nhân và gia đình vẫn tiếp tục được Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 ghi nhận, tuy nhiên, Luật đã quy định rõ việc Chính phủ sẽ có quy định chi tiết về vấn đề này và đã được cụ thể hóa bằng Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ.

- Pháp luật về hôn nhân và gia đình với những quy định mới tiến bộ như việc quy định tuổi kết hôn của nam, nữ: “Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên” mới được kết hôn (Điểm a Khoản 1 Điều 8). Từ đó nâng cao chất lượng về cuộc sống gia đình cũng như về sức khỏe sinh sản; quy định nam, nữ có quyền thỏa thuận về tài sản trước khi kết hôn để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp cũng như yêu cầu về bình đẳng giữa nam và nữ.

- Các nguyên tắc và quy định về bình đẳng và không phân biệt đối xử được khẳng định trong Hiến pháp 2013: “Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội” (Điều 16), nguyên tắc này được cụ thể hóa trong Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 với quy định liên quan đến quyền nhân thân của cá nhân đối với hôn nhân giữa những người cùng giới tính. Theo đó, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000: “cấm kết hôn giữa những người cùng giới tính” thì Luật 2014 sửa đổi thành: “Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính” (Khoản 2 Điều 8).

- Tại Điều 10 quy định người có quyền yêu cầu việc hủy kết hôn trái pháp luật, ngoài quy định người bị cưỡng ép kết hôn, bị lừa dối kết hôn có quyền tự mình yêu cầu hoặc đề nghị cá nhân, cơ quan, tổ chức yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật thì còn bổ sung thêm cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu là cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em. Như vậy, việc bảo hộ quan hệ hôn nhân và gia đình rất được Nhà nước ta quan tâm với việc quy định rõ trách nhiệm cũng như mở rộng đối tượng được thực hiện quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật.

- Về xử lý việc đăng ký kết hôn không đúng thẩm quyền, đây là điểm mới của luật. Trong trường hợp việc đăng ký kết hôn không đúng thẩm quyền thì khi có yêu cầu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật về hộ tịch và yêu cầu hai bên thực hiện lại việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì quan hệ hôn nhân trong trường hợp này được xác lập từ ngày đăng ký kết hôn trước. Đây cũng là một trong những ưu điểm của luật, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của cá nhân trong quan hệ hôn nhân và gia đình.

- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cũng quy định những nội dung mới bảo hộ quan hệ hôn nhân và gia đình trong việc giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, theo đó nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tuy nhiên, quyền và nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên vẫn được giải quyết theo quy định pháp luật (Điều 14); quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con trong trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn cũng được giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con (Điều 15); quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn được giải quyết theo thỏa thuận giữa các bên, trong trường hợp không có thỏa thuận thì giải quyết theo quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan; việc giải quyết quan hệ tài sản phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ và con; công việc nội trợ và công việc khác có liên quan để duy trì đời sống chung được coi như lao động có thu nhập (Điều 16). Như vậy, với những quy định này không chỉ bảo hộ quyền và lợi ích chính đáng giữa các bên trong việc giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn trong quan hệ hôn nhân và gia đình mà vấn đề quan trọng hơn là bảo đảm quyền và



lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ em là các nhóm yếu thế cần được Nhà nước và xã hội bảo vệ.

- Luật có nhiều điểm thể hiện tính nhân văn như: Quy định về mang thai hộ, thể hiện mục đích nhân đạo trong áp dụng cho các cặp vợ chồng hiếm muộn, gặp khó khăn trong việc sinh con, trong đó, quyền và nghĩa vụ của người mang thai hộ cũng như người nhờ mang thai hộ đều được pháp luật bảo vệ. Luật quy định việc cha, mẹ, người thân thích khác có thể yêu cầu giải quyết ly hôn khi một bên vợ, chồng bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình, đồng thời là nạn nhân của bạo lực gia đình do chồng, vợ gây ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của họ. Luật quy định con được sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân được coi là con do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân, đây là một quy định thể hiện tính nhân văn sâu sắc và tiến bộ trong việc xây dựng luật về hôn nhân gia đình, quy định này được đặt ra nhằm bảo vệ phụ nữ có thai và thai nhi hay nói cách khác là bảo vệ bà mẹ và trẻ em.

- Việc người vợ hoặc chồng ở nhà nội trợ, chăm lo con cái trước đây thường bị xem nhẹ và không được coi như là một công việc thực sự. Do vậy, khi cuộc sống hôn nhân xảy ra mâu thuẫn, xích mích, mục đích hôn nhân không đạt và dẫn đến ly hôn thì ảnh hưởng đến quyền lợi, nhưng với những quy định mới, Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 đã khẳng định, chia tài sản khi ly hôn ngoài nguyên tắc chia đôi còn tính đến công sức của vợ, chồng vào khối tài sản chung. Nhờ đó, vấn đề “ở nhà nội trợ có được chia tài sản khi ly hôn” nay đã được giải quyết thỏa đáng tạo sự công bằng trong quan hệ hôn nhân.

b/. Về những hạn chế, bất cập:

- Luật Hôn nhân và Gia đình đã bãi bỏ quy định cấm kết hôn giữa những người có cùng giới tính sinh học. Đây là một sự thay đổi lớn về quan điểm xây dựng pháp luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, Luật Hôn nhân và Gia đình vẫn quy định việc Nhà nước không thừa nhận kết hôn giữa những người cùng giới tính. Như vậy, mặc dù không cấm nhưng việc kết hôn và chung sống giữa những người đồng giới vẫn chưa được pháp luật công nhận dẫn đến tiềm ẩn nguy cơ và phát sinh những vướng mắc khó giải quyết nếu có tranh chấp xảy ra khi thực tiễn những người này vẫn sống chung và có mối quan hệ như vợ chồng.

- Việc lựa chọn áp dụng chế độ tài sản của vợ chồng, quyền sở hữu giữa vợ và chồng theo quy định của pháp luật vẫn còn bất cập, đặc biệt đối với tài sản là quyền sử dụng đất. Tại Khoản 1, Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “...Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng.” Có nghĩa là tất cả tài sản là quyền sử dụng mà vợ chồng có được sau khi kết hôn đều là tài sản chung, mặc dù pháp luật về đất đai đã thừa nhận cấp cho cá nhân của vợ hoặc chồng thì chính là tài sản cá nhân, “giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được cấp cho người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất...” (Khoản 1, Điều 97,

Luật Đất đai). Điều này gây không ít khó khăn cho người dân khi thực hiện giao dịch chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp và cơ quan, tổ chức có liên quan cũng gặp không ít khó khăn khi tiếp nhận và giải quyết.

- Luật Hôn nhân và Gia đình cho phép các bên trong quan hệ hôn nhân có quyền thỏa thuận về tài sản khi ly hôn. Tuy nhiên, vấn đề phát sinh khi tham gia giao dịch tài sản sau khi ly hôn luôn gặp khó khăn, do một trong hai bên cố tình tránh né, không hợp tác.

- Luật Hôn nhân và Gia đình quy định quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con khi ly hôn. Khi chấm dứt quan hệ hôn nhân cha mẹ và con phải có nghĩa vụ với nhau, đặc biệt là nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con nhưng trên thực tế việc thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng khó thực hiện, người thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng di chuyển chỗ ở nhiều nơi..., dẫn đến tính nghiêm minh pháp luật không cao.

4. Sự đồng bộ, thống nhất giữa Luật Hôn nhân và Gia đình, các văn bản quy định chi tiết với pháp luật, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có liên quan

Về cơ bản đã có sự đồng bộ, thống nhất giữa Luật Hôn nhân và Gia đình, các văn bản quy định chi tiết với các pháp luật như Luật Bình đẳng giới, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Luật Trẻ em và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Luật có những quy định pháp lý điều chỉnh về chế độ hôn nhân và gia đình; chuẩn mực pháp lý cho cách ứng xử giữa các thành viên gia đình; trách nhiệm của cá nhân, tổ chức, Nhà nước và xã hội trong việc xây dựng, củng cố chế độ hôn nhân và gia đình. Luật có cơ sở pháp lý đầy đủ để bảo đảm thực hiện tốt hơn quyền con người, quyền công dân trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình; bình đẳng giới; bảo vệ bà mẹ, trẻ em và những người yếu thế khác; quyền, lợi ích của cá nhân, tổ chức khác có liên quan; lợi ích của gia đình, của Nhà nước và xã hội.

Thông qua việc thực hiện tốt Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và các văn bản quy định chi tiết gắn với việc thi hành Luật Bình đẳng giới, Luật Người cao tuổi, Luật Trẻ em, Luật Người khuyết tật thì quyền con người, quyền bình đẳng giữa nam giới và nữ giới từng bước được bảo đảm thực hiện tốt hơn, với những điểm tiến bộ rõ nét như quy định nam, nữ có quyền thỏa thuận về tài sản trước khi kết hôn để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp cũng như yêu cầu về bình đẳng giữa nam và nữ, bình đẳng giới.

Trách nhiệm chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em của cá nhân, gia đình và xã hội đã được nâng cao; trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em; xử lý nghiêm và kịp thời các hành vi xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em. Đảm bảo người cao tuổi và người khuyết tật trên địa bàn tỉnh được hưởng chính sách trợ cấp, trợ giúp xã hội đúng quy định và được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt trong môi trường gia đình và tại cơ sở bảo trợ xã hội công lập trên địa bàn tỉnh.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Công ước Viên 1969 về Luật Điều ước quốc tế: “Điều ước quốc tế là một thỏa thuận quốc tế được ký kết bằng văn bản giữa các quốc gia và được luật quốc tế điều chỉnh, không phụ thuộc vào việc thỏa thuận đó được ghi nhận trong một văn kiện duy nhất hoặc hai hay nhiều văn kiện có quan hệ với nhau, cũng như không phụ thuộc vào tên gọi của các văn kiện đó”. Để đảm bảo ưu tiên thực hiện các cam kết trong các điều khoản quốc tế mà Nhà nước ta đã ký kết hoặc gia nhập, trong nhiều văn bản pháp luật của Việt Nam bao gồm luật, pháp lệnh đều thể hiện rõ quan điểm của Nhà nước ta là coi trọng các cam kết quốc tế, ưu tiên thực hiện các quy định của điều ước quốc tế khi các quy định này khác với quy định của luật hoặc pháp lệnh. Việc ưu tiên thực hiện các điều ước quốc tế là cần thiết để đảm bảo các điều ước quốc tế được thực hiện nghiêm chỉnh. Với quan điểm này, việc xây dựng và ban hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 được đồng bộ, thống nhất với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 về quyền, nghĩa vụ của vợ và chồng về tài khoản ngân hàng, đại diện, sở hữu, giao dịch:

- Đối với khoản tiền gửi: nếu không có yêu cầu từ vợ hoặc chồng được cơ quan có thẩm quyền xác nhận tài sản là tài sản chung thì người đứng tên trên tài khoản ngân hàng mới có quyền sở hữu tài sản, vợ hoặc chồng của người đứng tên tài khoản không có quyền lợi với tài khoản ngân hàng. Trường hợp khách hàng (vợ hoặc chồng) gửi tiền từ vong nhưng tài khoản giao dịch vẫn còn số dư, các tổ chức tín dụng sẽ giải quyết quyền lợi cho người thừa kế theo quy định nội bộ và quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp khách hàng gửi tiền độc thân, các tổ chức tín dụng sẽ yêu cầu khách hàng bổ sung các giấy tờ chứng minh tình trạng độc thân theo quy định.

- Đối với khoản tiền vay: trên hợp đồng cho vay/hợp đồng tín dụng, vợ hoặc chồng có thể đại diện để ký với ngân hàng và chịu trách nhiệm liên đới đối với hợp đồng vay đã ký kết. Nếu cá nhân tại thời điểm ký kết hợp đồng bảo đảm không có quan hệ hôn nhân hoặc đang có quan hệ hôn nhân nhưng có cơ sở chứng minh tài sản bảo đảm là tài sản riêng cá nhân đó thì ghi tên cá nhân đó. Nếu cá nhân tại thời điểm ký kết hợp đồng bảo đảm đang có quan hệ hôn nhân nhưng không có cơ sở chứng minh tài sản bảo đảm là tài sản riêng của vợ hoặc chồng trong thời kỳ hôn nhân theo quy định của pháp luật thì ghi tên bên bảo đảm là cả vợ và chồng.

Như vậy, các giao dịch liên quan đến lĩnh vực ngân hàng giữa vợ và chồng trong xác lập, thực hiện, chấm dứt giao dịch được xác định theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Thừa kế... là phải có sự đồng ý của cả hai vợ chồng.

Qua hơn 4 năm triển khai và thực hiện Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nhận thấy các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình đều thống nhất và đồng bộ với các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn hôn nhân và gia đình còn có khoảng trống pháp lý

Qua việc tham gia giám sát, khảo sát của Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh đã phát hiện những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn về vấn đề con lai, kết hôn qua biên giới như tình hình phụ nữ trên địa bàn tỉnh kết hôn với người nước ngoài tương đối nhiều, những trường hợp không tiếp tục duy trì hôn nhân nữa, đa số phụ nữ quay trở về địa phương mang theo con lai về cùng, bước đầu gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống. Tuy nhiên, tại địa phương được sự quan tâm, tạo điều kiện hỗ trợ của các cấp, các ngành nên họ đã dần ổn định cuộc sống, hòa nhập cộng đồng.

6. Việc tuyên truyền, phổ biến Luật Hôn nhân và Gia đình và các văn bản quy định chi tiết

Thực hiện Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 20/01/2015 của UBND tỉnh Kiên Giang về triển khai thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, các sở, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã đã ban hành văn bản triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị và địa phương mình quản lý. Công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Hôn nhân và Gia đình và các văn bản quy định chi tiết được các sở, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã quan tâm triển khai thực hiện, hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú và thiết thực như: Tổ chức hội nghị, diễn đàn chuyên đề, các kỳ họp Hội đồng nhân dân, họp báo, các cuộc sinh hoạt chi bộ, đoàn thể, tổ nhân dân tự quản, tổ chức sân chơi tìm hiểu pháp luật, qua công tác hòa giải ở cơ sở, công tác trợ giúp pháp lý và trên hệ thống loa truyền thanh huyện, xã... Thông qua hình thức sinh hoạt các loại hình tổ, hội phụ nữ, qua tư vấn tiền hôn nhân mà công tác tuyên truyền đem lại hiệu quả là hình thức truyền thông trực tiếp tại địa phương. Ngoài ra, còn kết hợp với các ban, ngành tuyên truyền giáo dục đạo đức lối sống trong gia đình với các nhóm nội dung liên quan đến hôn nhân tự nguyện, tiến bộ; xóa bỏ phong tục, tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình; phát huy truyền thống, phong tục tốt đẹp, xây dựng quan hệ hôn nhân và gia đình tiến bộ bước đầu đem lại nhiều kết quả tích cực... Kết quả, đã triển khai Luật Hôn nhân và Gia đình và các văn bản quy định chi tiết đến cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân được 8.788 cuộc với 465.329 lượt người tham dự. Đặc biệt, đối với những vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, việc triển khai sẽ thực hiện tập trung cho những người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, Ban Quản trị chùa và các vị sư sãi Phật giáo Nam tông Khmer và đồng bào phật tử dân tộc Khmer và người Hoa trên địa bàn nhằm giúp mọi người dân được tiếp thu, hiểu, từ đó tuân thủ chấp hành pháp luật về hôn nhân và gia đình, đồng bào dân tộc thiểu số đã nhận thức và tuân thủ theo quy định pháp luật, cụ thể như khi tổ chức lễ kết hôn, đều đến UBND xã, phường, thị trấn đăng ký kết hôn; tuân thủ về tuổi kết hôn theo quy định pháp luật ... qua đó, tình trạng tảo hôn vùng đồng bào dân tộc hoặc hôn nhân cận huyết thống đã được người dân nâng cao nhận thức.

Nhìn chung, công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Hôn nhân và Gia đình và các văn bản quy định chi tiết được địa phương thực hiện tốt, đảm bảo đạt yêu cầu theo Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 20/01/2015 của UBND tỉnh, công tác triển khai được thực hiện nghiêm túc, đồng bộ và hiệu quả; các nội dung cơ bản, những điểm mới của Luật Hôn nhân và Gia đình được triển khai sâu rộng đến cán bộ, công chức, viên chức và mọi tầng lớp nhân dân góp phần nâng cao ý thức tôn trọng và chấp hành nghiêm quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Qua đó, giúp người dân hiểu và thực hiện tốt các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, góp phần tích cực trong việc xây dựng và củng cố gia đình, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, xóa bỏ những tập tục lạc hậu của chế độ hôn nhân và gia đình. Qua 4 năm triển khai thực hiện Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và các văn bản quy định chi tiết, vấn đề giới trong quy định và áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình được quan tâm tuyên truyền, phổ biến và quán triệt, đem lại kết quả đáng phấn khởi, đã tác động mạnh mẽ, làm chuyển biến nhận thức trong nội bộ gia đình và ngoài xã hội, bình đẳng giới trên các lĩnh vực đời sống văn hoá, xã hội được thực hiện, các cấp, các ngành quan tâm tạo điều kiện thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới.

Tuy nhiên, công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về hôn nhân và gia đình lồng ghép với công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình, từng lúc, từng nơi, nhất là ở cơ sở chưa sâu, chưa đủ mạnh. Mặt khác, ở cấp xã hiện nay chưa có cán bộ chuyên trách công tác gia đình, chỉ có công chức văn hóa - xã hội kiêm nhiệm nhiều việc, thường xuyên luân chuyển công tác, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ còn hạn chế. Nội dung sinh hoạt của các mô hình câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững, câu lạc bộ gia đình hạnh phúc, câu lạc bộ phòng, chống bạo lực gia đình, địa chỉ tin cậy ở cộng đồng... chất lượng chưa cao, chưa phong phú, đa dạng.

7. Công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành và địa phương trong việc triển khai thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình và các văn bản quy định chi tiết

Công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Hôn nhân và Gia đình và các văn bản quy định chi tiết được các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể quan tâm thực hiện, công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp tại địa phương được phối hợp chặt chẽ.

Tại địa phương, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh xây dựng kế hoạch tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật và chỉ đạo Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp trên địa bàn tỉnh phối hợp với các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng với các sở, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã tập trung lồng ghép tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Luật Hôn nhân và Gia đình đến cán bộ, đoàn viên, hội viên và nhân dân; kết hợp tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình với các nhóm nội dung liên quan đến hôn nhân tự nguyện, xóa bỏ phong tục, tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình, phát huy truyền thống phong tục tốt đẹp, xây dựng quan hệ hôn nhân và gia đình ngày càng tiến bộ.

Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp ký kết phối hợp với các ngành chức năng thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật mới ban hành cũng như các quy định pháp luật về hôn nhân và gia đình nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cá nhân, gia đình và cộng đồng trong việc tham gia xây dựng gia đình, chấp hành pháp luật về hôn nhân và gia đình, về bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình.

Ban Dân tộc tỉnh tổ chức và phối hợp với Trung tâm Trợ giúp pháp lý của Nhà nước, Hội Luật gia tỉnh tổ chức tuyên truyền pháp luật về hôn nhân và gia



đình, các văn bản quy định chi tiết đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đồng bào dân tộc vùng biên giới...

8. Hoạt động xây dựng danh mục tập quán về hôn nhân và gia đình theo nhiệm vụ được giao tại Điều 6 Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình qua thực tiễn thi hành pháp Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

Việc xây dựng danh mục tập quán về hôn nhân và gia đình còn gặp nhiều khó khăn, với quy định này thể hiện được sự tôn trọng của Nhà nước đối với phong tục, tập quán địa phương, tuy nhiên hiện nay chưa có hướng dẫn rõ ràng và đầy đủ để các cơ quan có liên quan thực hiện, quy định về áp dụng tập quán trong Luật Hôn nhân và Gia đình không cụ thể, khó có sự thống nhất trong áp dụng. Điều kiện chung là những tập quán tốt đẹp thì được kế thừa, phát huy, nhưng “tập quán tốt đẹp” thì không cụ thể, từng địa phương có thể được hiểu ở nhiều góc độ khác nhau.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

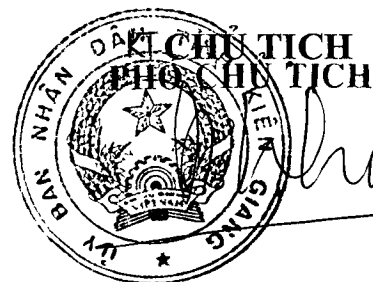
- Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành Trung ương rà soát, tổng hợp những quy định bất cập trong quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình cũng như các quy định pháp luật khác có liên quan như: Luật Hộ tịch, Luật Đất đai... Từ đó, có hướng sửa đổi, bổ sung những nội dung mà pháp luật chưa quy định hoặc quy định chưa cụ thể, chưa thống nhất gây khó khăn trong quá trình thực hiện; hạn chế việc ban hành quá nhiều văn bản hướng dẫn dưới luật dẫn đến mâu thuẫn, chồng chéo gây khó khăn cho cơ quan thực thi pháp luật, ảnh hưởng đến sự nghiêm minh của pháp luật, các quy định của pháp luật khó thực thi vào đời sống của Nhân dân

- Các Bộ, ngành Trung ương cần phát huy một cách tối ưu đối với những quy định trong pháp luật chuyên ngành. Tránh trường hợp luật chuyên ngành đã quy định cụ thể, nhưng khi áp dụng lại bị ràng buộc bởi văn bản pháp luật khác có liên quan. Từ đó tạo ra kẽ hở hoặc cách hiểu không thống nhất dẫn đến sự tùy tiện trong quá trình thực hiện.

Trên đây là báo cáo sơ kết thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và các văn bản quy định chi tiết của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang./

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các sở, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo VP, P. NCPC;
- Lưu: VT, nttrng, “HT”.



Mai Anh Nhịn